

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2024/HS-ST
Ngày: 24/12/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Ngọc Hồng
2. Bà Dương Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 102/2024/TLST-HS ngày 02/12/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2024/QĐXXST-HS ngày 05/12/2024, đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh năm 1993 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre; trình độ văn hóa: 5/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn R, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960; bị cáo từng có vợ tên Nguyễn Thị T1, sinh năm 1997 (đã ly hôn); con: có 01 người con sinh năm 2018; tiền án: ngày 17/4/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2018/HSST-ST, chấp hành xong bản án ngày 10/10/2022); tiền sự: không; nhân thân: ngày 13/11/2024 bị Công an thành phố B xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 190/QĐ-XPHC).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/10/2024 đến ngày 22/10/2024 chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 18/10/2024, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố B phối hợp Công an phường P, thành phố B tuần tra trên địa bàn phường P, thành phố B. Khi tuần tra trên đường N thuộc địa phận Khu phố D, phường P, thành phố B, Cơ quan điều tra phát hiện Trần Văn T đang dẫn bộ xe mô tô Biển số 71K9-6420 trên đường có dấu hiệu vi phạm pháp luật nên tiến

hành kiểm tra. Quá trình kiểm tra, Cơ quan điều tra phát hiện túi quần phía trước bên phải của T có 01 (một) gói thuốc hiệu JET, bên trong có 01 (một) túi ny lon màu trắng, được hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu đỏ, trong túi nylon có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy. Triêm khai nhận tinh thể màu trắng là ma túy đá (Methamphetamine) của T mua để sử dụng. Kiểm tra ma túy đối với T kết quả dương tính với chất ma túy. Cơ quan điều tra đã lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trần Văn T về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) túi nylon màu trắng được hàn kính ba phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu đỏ, kích thước 5,5cm x 8,5cm, bên trong có chứa chất màu trắng nghi là ma túy; 01 (một) xe mô tô Biển số 71K9-6420, nhãn hiệu: LIFAN, màu sơn: xanh, số máy: LC152FMH01160049, số khung: VTMPCH102YT008549.

Trần Văn T khai nhận: Khoảng 17 giờ 05 phút ngày 18/10/2024, T điều khiển xe mô tô Biển số 71K9-6420 đến khu vực cầu R phía huyện C, tỉnh Bến Tre gặp nam thanh niên tên T2 (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) mua một túi ma túy “đá” giá 1.500.000 đồng để sử dụng. Triêm lấy ma túy vừa mua được cất vào trong gói thuốc JET rồi điều khiển xe đi chơi. Khoảng 23 giờ 05 phút ngày 18/10/2024, khi T điều khiển xe về đến xã H, huyện C thì xe bị hết xăng, T dẫn bộ xe đi về. Khi vừa đi qua cầu P đến địa phận Khu phố D, phường P, thành phố B thì T bị Lực lượng Công an kiểm tra phát hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T. Kết quả kiểm tra ma túy Triêm dương tính chất ma túy là do T đã sử dụng ma túy một mình vào khoảng 12 giờ 05 phút ngày 18/10/2024 tại nhà của T tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Kết luận giám định số 894/2024/KL-KTHS ngày 21/10/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong một túi nylon được niêm phong trong phong bì gửi giám định là chất ma túy; loại: Methamphetamine; khối lượng: 7,2534 gam. H lại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Bến Tre mẫu vật sau giám định đã được niêm phong lại có khối lượng: 7,2013 gam.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục tạm giữ chất ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định có khối lượng 7,2013 gam là chất cấm và xe mô tô Biển số 71K9-6420 là phương tiện T sử dụng đi mua trái phép chất ma túy để xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, Trần Văn T khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị can phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại cáo trạng số 103/CT-VKSTPBT ngày 29/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g, o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính: áp dụng điểm g, o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 05 năm 6 tháng đến 06 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng đề nghị áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: Chất ma túy còn lại sau giám định. Giao xe mô tô Biển số 71K9-6420 là phương tiện T sử dụng đi mua trái phép chất ma túy cho Công an thành phố B xử lý theo thẩm quyền.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: khoảng 23 giờ 30 phút ngày 18/10/2024, Trần Văn T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy có khối lượng 7,2013 gam, loại Methamphetamine nhằm mục đích để sử dụng bị Cơ quan điều tra Công an thành phố B lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang tại Khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực nhận biết việc cất giấu ma túy là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý mua và cất giấu 7,2013 gam, loại Methamphetamine để sử dụng nhằm thỏa mãn cơn nghiện. Bị cáo đã bị kết án về tội nghiêm trọng chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội rất nghiêm trọng nên lần phạm tội này của bị cáo là "Tái phạm nguy hiểm". Vì vậy, Cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g, o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, đe dọa xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và sự phát triển bình thường của con người, gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự nơi bị cáo thực hiện tội phạm, nguyên nhân phát sinh các tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, ngày 13/11/2024 bị Công an thành phố B xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 190/QĐ-XPHC). Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo được hưởng là “Người phạm tội thành khẩn khai báo”, “Có người thân có công với đất nước” và “Có nghĩa vụ nuôi con chưa thành niên” theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Hình phạt bổ sung: bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: Chất ma túy còn lại sau giám định. Đối với xe mô tô gắn Biển số 71K9-6420, nhãn hiệu: LIFAN, màu sơn: xanh, số máy: LC152FMH01160049, số khung: VTMPCH102YT008549 do Trần Văn T sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy và bị phát hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Triêm khai đã mua chiếc xe này của một người không nhớ họ tên, địa chỉ, khi mua không có làm hợp đồng mua bán. Kết quả tra cứu xác định xe mô tô có số máy: LC152FMH01160049, số khung: VTMPCH102YT008549 đăng ký Biển số 51P5-3430 do Vũ Thị H1 ở Số B H, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ xe và không có trong dữ liệu vật chứng; đối với Biển số 71K9-6420 được cấp cho xe mô tô nhãn hiệu WARM, số máy VDP1P52FMH300267, số khung: RMMWCH3MM51300267 do Lê Ngọc T3 ở ấp T, xã T, huyện M (hiện nay là huyện M), tỉnh Bến Tre đứng tên chủ xe và cũng không có trong dữ liệu vật chứng. Quá trình điều tra, chị Vũ Thị H1 và ông Lê Văn S (cha của Lê Ngọc T3) đều xác định xe mô tô Biển số 51P5-3430 (của chị H1) và xe mô tô Biển số 71K9-6420 (của anh T3) đã bán cho người khác, khi bán không làm giấy tờ, không sang tên đổi chủ và không nhớ đã bán cho ai nên giao xe cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B để điều tra tiếp tục xác minh làm rõ chủ sở hữu xe để xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xác minh, làm rõ đối tượng đã bán ma túy cho bị cáo để xử lý theo quy định pháp luật. Việc bị cáo có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đã bị Công an thành phố B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp nên ghi nhận.

[9] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp đề nghị áp dụng là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng điểm g, o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn T 05 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2024.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: Chất ma túy còn lại sau giám định điện niêm phong trong phong bì số 894/2024 có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn T4, Phan Trung T5, Trần Văn T và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh B.

Giao xe mô tô nhãn hiệu: LIFAN, màu sơn: xanh, số máy: LC152FMH01160049, số khung: VTMPCH102YT008549 và Biển số 71K9-6420 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B để điều tra tiếp tục xác minh làm rõ chủ sở hữu xe này và xử lý theo quy định của pháp luật.

(Vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/12/2024).

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã Thuận Điền, H. Giồng Trôm (1b);
- Bị cáo (1b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình